CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Số: 202/2017/CV-SGW.KT

Kính gửi: - **Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước**

- **Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM**

V/v: Giải trình chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán Năm 2016 của công ty mẹ

Đơn vị công bố thông tin: **Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, Số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.Hồ Chí Minh.

Điện thoại (+848) 62918483 Fax: (+848) 62918489

Mã chứng khoán: SII

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn giải trình chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán năm 2016 như sau:

1. Chênh lệch số liệu trên bảng cân đối kế toán:

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Số liệu Năm 2016 trước kiểm toán	Số liệu Năm 2016 sau kiểm toán	Chênh lệch
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**	**1.019.213.182.498**	**818.541.056.704**	**(200.672.125.794)**
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	**479.080.584.800**	**278.418.967.552**	**(200.661.617.248)**
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	132.046.991.572	131.785.534.931	(261.456.641)
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	244.123.402.860	43.723.242.253	(200.400.160.607)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**4.800.514.896**	**4.794.838.760**	**(5.676.136)**
1. Hàng tồn kho	141	4.800.514.896	4.794.838.760	(5.676.136)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**	**157.602.440.412**	**157.597.608.002**	**(4.832.410)**
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	157.461.831.845	157.456.999.435	(4.832.410)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**	**2.481.938.009.057**	**2.621.882.274.175**	**139.944.265.118**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**	**373.305.064**	**141.668.815.864**	**141.295.510.800**
6. Phải thu dài hạn khác	216	373.305.064	141.668.815.864	141.295.510.800
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	**1.618.417.173.327**	**1.617.065.927.645**	**(1.351.245.682)**
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	1.618.417.173.327	1.617.065.927.645	(1.351.245.682)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**	**3.501.151.191.555**	**3.440.423.330.879**	**(60.727.860.676)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Số liệu Năm 2016 trước kiểm toán	Số liệu Năm 2016 sau kiểm toán	Chênh lệch
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**	**2.597.066.277.858**	**2.536.587.712.182**	**(60.478.565.676)**
I. Nợ ngắn hạn	**310**	**365.043.015.953**	**304.564.450.277**	**(60.478.565.676)**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	195.802.451.509	195.270.666.330	(531.785.179)
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15.504.246.854	15.652.871.854	148.625.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	61.341.379.875	1.245.974.378	(60.095.405.497)
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**904.084.913.697**	**903.835.618.697**	**(249.295.000)**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**904.084.913.697**	**903.835.618.697**	**(249.295.000)**
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	192.168.968.921	191.919.673.921	(249.295.000)
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*	*129.414.761.334*	129.165.466.334	(249.295.000)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**	**3.501.151.191.555**	**3.440.423.330.879**	**(60.727.860.676)**

2. Chênh lệch số liệu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu Năm 2016 trước kiểm toán	Số liệu Năm 2016 sau kiểm toán	Chênh lệch
7. Chi phí tài chính	22	4.884.702.914	4.993.327.914	108.625.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*	*4.884.702.914*	*4.914.909.721*	*30.206.807*
9. Chi phí bán hàng	25	3.601.861.450	3.742.531.450	140.670.000
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) + 24 -(25+26)}	**30**	**129.414.761.094**	**129.165.466.094**	**(249.295.000)**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**	**129.414.761.334**	**129.165.466.334**	**(249.295.000)**
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**60**	**129.414.761.334**	**129.165.466.334**	**(249.295.000)**

3. Chênh lệch số liệu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu Năm 2016 trước kiểm toán	Số liệu Năm 2016 sau kiểm toán	Chênh lệch
1. Lợi nhuận trước thuế	1	**129.414.761.334**	**129.165.466.334**	**(249.295.000)**
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2	602.567.536	978.874.600	376.307.064
Chi phí lãi vay	6	5.034.722.221	4.914.909.721	(119.812.500)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	**(28.111.106.156)**	**(28.103.906.592)**	**7.199.564**
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(142.034.323.756)	(42.252.350.918)	99.781.972.838
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(3.581.740.940)	(3.576.064.804)	5.676.136
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	16.802.236.463	(52.290.417.476)	(69.092.653.939)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(17.966.740.466)	(2.899.544.383)	15.067.196.083
Tiền lãi vay đã trả	14	(12.333.785.400)	(27.400.981.483)	(15.067.196.083)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(187.225.460.255)***	***(156.523.265.656)***	***30.702.194.599***
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(139.429.745.704)	(128.965.356.303)	10.464.389.401
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	100.000.000.000	100.000.000.000
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(15.309.412.650)	(168.735.412.650)	(153.426.000.000)
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	31.748.744.000	44.008.160.000	12.259.416.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	**(100.113.457.327)**	**(130.815.651.926)**	**(30.702.194.599)**

Nguyên nhân chênh lệch:

Tại thời điểm Công ty Cổ phần hạ tầng Nước Sài Gòn công bố Báo cáo tài chính Quý 4 Năm 2016 do công ty phân loại các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn chưa chính xác, đồng thời có một số chứng từ khách hàng chưa gửi đến công ty nên trên báo cáo chưa hoạch toán đủ chi phí.

Trong quá trình kiểm toán, đơn vị kiểm toán có yêu cầu phân loại lại các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn cho phù hợp với chuẩn mực kế toán cũng như phân loại lại các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính Năm 2016 để phản ánh đúng bản chất của dòng tiền. Kiểm toán cũng yêu cầu công ty cập nhật đầy đủ các chừng từ khách hàng đã gửi đến để phản ánh hết phần chi phí thực tế phát sinh dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2016 có sự chênh lệch như trên.

Trân trọng báo cáo.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trương Khắc Hoành

Nơi nhận:
+ Như trên
+ Lưu

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

Tháng 3 năm 2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Bà Giao Thị Yến	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên
Ông Trương Khắc Hoành	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên
Ông Luis Juan B. Oreta	Thành viên
Ông Virgilio Cervantes Rivera, Jr	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trương Khắc Hoành	Tổng Giám đốc
Bà Giao Thị Yến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Diệp Bảo Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ronnie D.Lim	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Trương Khắc Hoành
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited
Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 148.03/2017/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2017, từ trang 3 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Lương Xuân Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1741-2013-072-1
Ngày 27 tháng 3 năm 2017

Phạm Thị Toan
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 2767-2014-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**818.541.056.704**	**821.893.815.126**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**377.729.642.390**	**275.715.059.972**
1. Tiền	111	5	377.729.642.390	275.715.059.972
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**278.418.967.552**	**423.161.723.909**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	3.033.256.603	1.051.121.005
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	131.785.534.931	54.810.772.398
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	99.918.080.000	95.918.080.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	43.723.242.253	271.422.896.741
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(41.146.235)	(41.146.235)
III. Hàng tồn kho	**140**		**4.794.838.760**	**1.218.773.956**
1. Hàng tồn kho	141	10	4.794.838.760	1.218.773.956
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**157.597.608.002**	**121.798.257.289**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	140.608.567	174.308.500
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		157.456.999.435	121.623.948.789
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**2.621.882.274.175**	**2.029.110.840.628**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**141.668.815.864**	**71.930.656.175**
1. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	141.668.815.864	71.930.656.175
II. Tài sản cố định	**220**		**11.330.933.731**	**1.679.445.915**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.612.857.190	1.679.445.915
- Nguyên giá	*222*		*4.864.688.549*	*3.175.943.098*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(2.251.831.359)*	*(1.496.497.183)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	8.718.076.541	-
- Nguyên giá	*228*		*8.941.616.965*	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(223.540.424)*	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**1.617.065.927.645**	**1.224.761.039.263**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	1.617.065.927.645	1.224.761.039.263
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**15**	**833.579.596.261**	**730.503.139.000**
1. Đầu tư vào công ty con	251	15.a	498.046.112.650	482.736.700.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15.b	141.095.288.611	53.184.244.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15.c	194.438.195.000	194.582.195.000
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**18.237.000.674**	**236.560.275**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	18.237.000.674	236.560.275
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**3.440.423.330.879**	**2.851.004.655.754**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**2.536.587.712.182**	**2.070.383.731.885**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**304.564.450.277**	**199.953.731.885**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	195.270.666.330	22.824.345.928
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	262.180.793	183.904.674
3. Phải trả người lao động	314		-	339.000.000
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	15.652.871.854	8.905.889.639
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	1.245.974.378	3.046.478.879
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.a	88.260.238.095	164.500.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.872.518.827	154.112.765
II. Nợ dài hạn	**330**		**2.232.023.261.905**	**1.870.430.000.000**
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	21	600.000.000.000	600.000.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	630.000.000.000	629.500.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.b	1.002.023.261.905	640.930.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**903.835.618.697**	**780.620.923.869**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**22**	**903.835.618.697**	**780.620.923.869**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		583.700.000.000	583.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*583.700.000.000*	*583.700.000.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		119.923.034.000	119.923.034.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.292.910.776	2.342.139.270
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		191.919.673.921	74.655.750.599
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*62.754.207.587*	*63.343.693.624*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*421b*		*129.165.466.334*	*11.312.056.975*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**3.440.423.330.879**	**2.851.004.655.754**

Trần Thị Ngọc Loan	**Nguyễn Thị Hồng Hạnh**	**Trương Khắc Hoành**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
Ngày 27 tháng 3 năm 2017		

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2016	2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**23**	**11.262.415.137**	**2.833.826.891**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	**10**		**11.262.415.137**	**2.833.826.891**
4. Giá vốn hàng bán	11	24	11.377.997.517	2.124.132.265
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	**20**		**(115.582.380)**	**709.694.626**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	162.934.719.747	25.735.542.247
7. Chi phí tài chính	22	26	4.993.327.914	3.632.673.005
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*4.914.909.721*	*3.630.104.167*
8. Chi phí bán hàng	25	27	3.742.531.450	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	24.917.811.909	11.501.312.573
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**129.165.466.094**	**11.311.251.295**
11. Thu nhập khác	31		93.383.876	876.140.874
12. Chi phí khác	32		93.383.636	875.335.194
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**240**	**805.680**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**129.165.466.334**	**11.312.056.975**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**129.165.466.334**	**11.312.056.975**

Trần Thị Ngọc Loan	**Nguyễn Thị Hồng Hạnh**	**Trương Khắc Hoành**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

M.S.D.N: 0303476454 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2016	2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**	**129.165.466.334**	**11.312.056.975**
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	978.874.600	334.402.644
Các khoản dự phòng	03	-	(228.060.000)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(163.163.157.247)	(25.735.542.247)
Chi phí lãi vay	06	4.914.909.721	3.630.104.167
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**	**(28.103.906.592)**	**(10.687.038.461)**
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(42.252.350.918)	(36.802.368.570)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(3.576.064.804)	(807.690.819)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(52.290.417.476)	1.262.249.696.371
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(2.899.544.383)	360.624.545
Tiền lãi vay đã trả	14	(27.400.981.483)	(3.630.104.167)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(156.523.265.656)**	**1.210.683.118.899**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(128.965.356.303)	(1.366.074.005.056)
2.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.000.000.000)	(95.918.080.000)
3.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	100.000.000.000	-
4.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(168.735.412.650)	(736.720.300.000)
5.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	44.008.160.000	308.700.000.000
6.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26.876.957.027	20.813.864.572
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(130.815.651.926)**	**(1.869.198.520.484)**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.Tiền thu từ đi vay	33	449.353.500.000	1.315.430.000.000
2.Tiền trả nợ gốc vay	34	(60.000.000.000)	(510.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**389.353.500.000**	**805.430.000.000**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	**50**	**102.014.582.418**	**146.914.598.415**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**275.715.059.972**	**128.800.461.557**
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	**70**	**377.729.642.390**	**275.715.059.972**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thông tin bổ sung cho báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, Công ty thực hiện lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho dòng tiền từ hoạt động kinh doanh theo phương pháp gián tiếp. Các chỉ tiêu tương ứng của báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng được chuyển đổi từ phương pháp trực tiếp sang phương pháp gián tiếp để đảm bảo tính so sánh với số liệu báo cáo kỳ này.

Dòng tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm (mã số 25) bao gồm tiền đã chi đầu tư vào công ty con là 136.485.412.650 VND và chi đầu tư vào Công ty liên kết là 32.250.000.000 VND. Trong đó, khoản chi vào công ty con bao gồm số tiền Công ty đã ứng trước để mua phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia Lai là 121.176.000.000 VND, hiện đang được ghi nhận là một khoản trả trước cho người bán *(xem thêm Thuyết minh số 7)*.

Dòng tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm (mã số 26) là khoản tiền Công ty thu được từ nghiệp vụ thanh lý công ty liên kết - Công ty Cổ phần Cấp nước Long An.

Dòng tiền thu được từ đi vay trong năm (mã số 33) bao gồm tiền tiền vay từ các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng là 69.353.500.000 VND, phát hành trái phiếu là 380.000.000.000 VND.

Dòng tiền trả nợ gốc vay trong năm (mã số 34) là toàn bộ số tiền Công ty đã thanh toán cho các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng.

Trần Thị Ngọc Loan	**Nguyễn Thị Hồng Hạnh**	**Trương Khắc Hoành**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
Ngày 27 tháng 3 năm 2017		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303476454 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 08 năm 2004 và qua các lần thay đổi. Vốn điều lệ của Công ty là 583.700.000.000 VND, được chia thành 58.370.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Vốn điều lệ của Công ty là 583.700.000.000 VND, được chia thành 58.370.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII") với tỷ lệ sở hữu là 55,94%.

Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điều khiển - đo lường; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; hoạt động thiết kế chuyên dụng; tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ khác (trừ tư vấn pháp luật); thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải, bán buôn thiết bị cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch – nước thải; bán buôn vật tư - thiết bị - phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường; bán buôn hóa chất khác (trừ sử dụng trong nông nghiệp); dịch vụ tư vấn về quản lý (trừ tư vấn tài chính); lắp đặt hệ thống điện; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; nuôi trồng thủy sản; sản xuất máy móc - thiết bị điện, thiết bị điều khiển - đo lường; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; chuẩn bị mặt bằng; hoạt động thiết kế chuyên dụng; cho thuê máy móc thiết bị, vật tư ngành điện, nước, nuôi trồng thủy sản; gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; lập dự án đầu tư, tư vấn, chuyển giao công nghệ, dịch vụ tư vấn và xử lý môi trường; sản xuất sản phẩm từ plastic; thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải; khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan đến ngành nước sinh hoạt; buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; lắp đặt hệ thống điện; mua bán thiết bị cấp - thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch - nước thải - môi trường, mua bán vật tư - thiết bị - phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường, mua bán hóa chất; thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải; khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng:

Ngày 21 tháng 4 năm 2016, Công ty đã thực hiện bán toàn bộ 3.143.440 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Long An. Do đó, Công ty Cấp nước Long An không còn là Công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

Ngày 9 tháng 6 năm 2016, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn – An Khê để thực hiện dự án "Đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước trên địa bàn thị xã An Khê và các vùng phụ cận Gia Lai, công suất 9.500 m3/ngày đêm", với vốn điều lệ là 40 tỷ đồng, tương ứng với 4.000.000 cổ phần, Công ty đăng ký góp 51% vốn điều lệ.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 10 năm 2016, Công ty đã nhận chuyển nhượng phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp từ CII. Đến ngày 22 tháng 12 năm 2016, Công ty đã nhận được giấy chứng nhận cổ đông, theo đó Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp trở thành Công ty liên kết của Công ty với tỷ lệ vốn góp là 43% trong tổng vốn điều là 240 tỷ đồng, tương ứng 103,2 tỷ đồng.

Ngày 23 tháng 12 năm 2016, Công ty đã phát hành thành công 380 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ, dưới dạng trái phiếu thường, không có quyền chuyển đổi, có tài sản đảm bảo, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là nhà Đầu tư duy nhất đã đứng ra mua toàn bộ trái phiếu này.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào bảy (07) công ty con và hai (02) công ty liên doanh, liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Các công ty con				
1. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	TP. Hồ Chí Minh	85,00%	85,00%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	Tỉnh Lâm Đồng	90,00%	90,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Tỉnh Gia Lai	55,00%	55,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
4. Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	50,98%	50,98%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
5. Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước châu Á	TP. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và chống thất thoát
6. Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - Cần Thơ	TP. Hồ Chí Minh	77,00%	77,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
7. Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	Tỉnh Gia Lai	51,00%	51,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
Các công ty liên doanh, liên kết				
1. Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	28,66%	28,66%	Kinh doanh hạ tầng nước, môi trường
2. Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	43%	43%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

Ngoài các công ty đang đầu tư trực tiếp, Công ty còn đầu tư gián tiếp thông qua công ty con - Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro, cụ thể như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty liên kết				
1. Công ty Cổ phần Cấp Nước Cần Thơ	TP. Cần Thơ	31,21%	34,59%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu về cho vay,các khoản phải thu khách hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay và trái phiếu phát hành.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo cam kết hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Các khoản phải thu về cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị chương trình phần mềm máy tính phục vụ cho quy trình quản lý và sản xuất nước sạch, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có được quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của các công ty đó.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các koản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Các khoản chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Trái phiếu phát hành

Các khoản trái phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính trên cơ sở giá trị thuần bằng giá trị của trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) chiết khấu trái phiếu cộng (+) các khoản phụ trội của trái phiếu.

Các khoản chiết khấu và phụ trội của trái phiếu được theo dõi chi tiết theo từng loại trái phiếu phát hành và phân bổ vào chi phí đi vay hàng kỳ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biếu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp số dư. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	107.451.296	1.125.782.631
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	377.622.191.094	274.589.277.341
Cộng	**377.729.642.390**	**275.715.059.972**

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Khách hàng sử dụng nước sạch ở địa bàn Củ Chi	1.670.982.540	564.788.540
Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường	693.071.000	-
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	388.700.298	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	156.582.472	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	-	445.186.230
Các khoản phải thu khác	123.920.293	41.146.235
Cộng	**3.033.256.603**	**1.051.121.005**
Trong đó, phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	388.700.298	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	-	445.186.230
Cộng	**388.700.298**	**445.186.230**

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia Lai *(i)*	121.176.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nước và môi trường Đại Việt	3.998.902.128	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Thiên Phú	2.082.381.586	
Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường	1.629.771.952	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Giao thông Công Chánh	1.367.968.915	
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C)	-	45.308.764.541
Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp Nước	-	3.239.093.457
Các đối tượng khác	1.530.510.350	6.262.914.400
Cộng	**131.785.534.931**	**54.810.772.398**
Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan		
CII E&C	-	45.308.764.541

(i) Đây là khoản ứng trước để mua 9.180.000 cổ phần tương ứng với 51% vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia Lai ("Công ty Gia Lai"). Số dư sẽ được kết chuyển vào giá trị đầu tư vào công ty con khi Công ty Gia Lai chuyển đổi thành công thành công ty cổ phần. (*Xem thêm thuyết minh số 34*).

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro *(i)*	95.918.080.000	95.918.080.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2	4.000.000.000	-
Cộng	**99.918.080.000**	**95.918.080.000**
Trong đó, phải thu về cho vay bên liên quan		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	95.918.080.000	95.918.080.000

(i) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 8 tháng 5 năm 2015, Công ty đồng ý cho Công ty Enviro vay để mua cổ phần của Công ty CP Cấp nước Cần Thơ. Lãi suất cho vay bằng lãi suất mà Công ty huy động từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng đã được gia hạn ngày 6 tháng 5 năm 2016.

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu tiền từ chuyển nhượng dự án đầu tư *(i)*	23.160.462.296	259.770.714.696
Phải thu tiền lãi cho vay	13.927.441.342	5.150.937.022
Phải thu về cổ tức	431.750.000	-
Phải thu các khoản chi hộ	1.992.441.000	898.367.663
Tạm ứng cho nhân viên	2.280.997.422	4.802.877.360
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.018.400.000	800.000.000
Các khoản phải thu khác	911.750.193	-
Cộng	**43.723.242.253**	**271.422.896.741**
b. Dài hạn		
Phải thu tiền từ chuyển nhượng dự án đầu tư *(i)*	141.295.510.800	
Ký cược, ký quỹ dài hạn	373.305.064	71.930.656.175
Cộng	**141.668.815.864**	**71.930.656.175**
Trong đó, Phải thu khác với bên liên quan		
Công ty CII	164.455.973.096	331.328.065.807
Công ty Cổ phần Giải Pháp Mạng Nước Châu Á	-	686.699.310
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - Cần Thơ	-	211.668.353
Công ty Enviro	14.359.191.342	5.150.937.022

(i) Số dư phải thu Công ty CII tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là khoản phải thu từ việc chuyển nhượng khoản đầu tư vào dự án Diamond Riverside. Theo biên bản thỏa thuận ngày 3 tháng 11 năm 2016, tổng giá trị chuyển nhượng là 282.591.021.600 VND và sẽ được thanh toán 50% trước ngày 31 tháng 3 năm 2017, 50% còn lại sẽ được thanh toán đến ngày 31 tháng 8 năm 2018.

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.661.010.065	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	48.568.099		-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	988.345.296	-	1.121.858.656	
Hàng hóa	96.915.300	-	96.915.300	-
Cộng	**4.794.838.760**	**-**	**1.218.773.956**	**-**

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	140.608.567	56.451.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	117.857.500
Cộng	**140.608.567**	**174.308.500**
b. Dài hạn		
Chi phí lãi vay dự án Củ Chi giai đoạn 1	15.067.196.083	-
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.140.092.542	235.709.975
Chi phí trả trước dài hạn khác	29.712.049	850.300
Cộng	**18.237.000.674**	**236.560.275**

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	3.145.943.098	30.000.000	3.175.943.098
Mua trong năm	1.583.745.451	105.000.000	1.688.745.451
Tại ngày 31/12/2016	**4.729.688.549**	**135.000.000**	**4.864.688.549**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	1.466.497.183	30.000.000	1.496.497.183
Khấu hao trong năm	755.334.176	-	755.334.176
Tại ngày 31/12/2016	**2.221.831.359**	**30.000.000**	**2.251.831.359**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2016	1.679.445.915	-	1.679.445.915
Tại ngày 31/12/2016	**2.507.857.190**	**105.000.000**	**2.612.857.190**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.086.624.916 VND và tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 là 30.000.000 VND.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm vi tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2016	-
Mua trong năm	8.941.616.965
Tại ngày 31/12/2016	**8.941.616.965**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2016	-
Khấu hao trong năm	223.540.424
Tại ngày 31/12/2016	**223.540.424**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2016	-
Tại ngày 31/12/2016	**8.718.076.541**

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Dự án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi *(i)*	1.610.967.314.710	1.224.761.039.263
Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước trên địa bàn thị xã An Khê và vùng phụ cận - Gia Lai, công suất 9.500 m3/ ngày đêm *(ii)*	6.098.612.935	-
Cộng	**1.617.065.927.645**	**1.224.761.039.263**

(i) Dự án được thực hiện tại Thị trấn Củ Chi và 10 xã lân cận. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 2.662 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách nhà nước là 600 tỷ đồng, được thực hiện theo 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 triển khai trong năm 2015 với tổng mức vốn dự kiến là 1.657.957.072.479 đồng, giai đoạn 2 thực hiện từ năm 2016 đến năm 2019 với tổng mức vốn dự kiến là 1.004.305.295.507 đồng.

Như đã trình bày tại thuyết minh tại thuyết minh số 20, Công ty sử dụng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án này để thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 11.

(ii) Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước trên địa bàn thị xã An Khê và vùng phụ cận Gia Lai. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 160,93 tỷ đồng, trong đó vốn góp là 40 tỷ. Thời gian đầu tư dự án là quý 3 năm 2016 đến hết quý 3 năm 2017 và dự kiến đưa vào vận hành, khai thác từ quý 4 năm 2017. Thời gian hoạt động của dự án là 50 năm.

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư vào công ty con

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	2.550.000.000	-	(i)	2.550.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	49.500.000.000	-	(i)	43.312.700.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	105.000.000.000	-	(i)	105.000.000.000	-	(i)
Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi	321.174.000.000	-	(i)	321.174.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Cần Thơ	7.622.112.650	-	(i)	500.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á	10.200.000.000	-	(i)	10.200.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	2.000.000.000	-	(i)	-	-	(i)
Cộng	**498.046.112.650**	-		**482.736.700.000**	-	

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	119.659.788.611	-	(i)	-	-	
Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa	21.435.500.000	-	(i)	21.435.500.000	-	(i)
Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	-	-	(i)	31.748.744.000	-	(i)
Cộng	**141.095.288.611**	-		**53.184.244.000**	-	

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức	143.153.395.000	-	(i)	143.153.395.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	51.284.800.000	-	(i)	51.284.800.000	-	(i)
Đầu tư vốn vào đơn vị khác	-	-	(i)	144.000.000	-	(i)
Cộng	**194.438.195.000**	-		**194.582.195.000**	-	

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	100.762.504.540	100.762.504.540	21.476.443.397	21.476.443.397
Công ty CII E&C	75.156.687.257	75.156.687.257	-	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Mạng nước Châu Á	5.216.072.973	5.216.072.973	902.750.001	902.750.001
Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông	3.246.767.762	3.246.767.762	-	-
Các nhà cung cấp khác	10.888.633.798	10.888.633.798	445.152.530	445.152.530
Cộng	**195.270.666.330**	**195.270.666.330**	**22.824.345.928**	**22.824.345.928**
Trong đó, phải trả cho người bán là các bên liên quan				
Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi	-	-	194.810.000	194.810.000
Công ty CII E&C	75.156.687.257	75.156.687.257	-	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	587.860.000	587.860.000	-	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Mạng nước Châu Á	5.216.072.973	5.216.072.973	902.750.001	902.750.001
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	1.672.060.775	1.672.060.775	-	-

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số thực nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng		698.470.234	698.470.234	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41.392	-	41.392	-
Thuế thu nhập cá nhân	153.182.516	1.166.128.582	1.155.783.866	163.527.232
Các khoản thuế, phí khác	30.680.766	1.545.756.856	1.477.784.061	98.653.561
Cộng	**183.904.674**	**3.410.355.672**	**3.332.079.553**	**262.180.793**

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trích trước chi phí lãi vay	11.951.403.361	8.905.889.639
Trích trước chi phí dự án	3.701.045.293	-
Các khoản trích trước khác	423.200	-
Cộng	**15.652.871.854**	**8.905.889.639**

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a. Ngắn hạn		
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	833.789.000	833.789.000
Bảo hiểm xã hội	364.395.725	27.939.879
Lãi vay phải trả	-	2.168.250.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	47.789.653	16.500.000
Cộng	**1.245.974.378**	**3.046.478.879**
b. Dài hạn		
Phải trả tiền hợp tác đầu tư vào dự án Củ Chi *(i)*	630.000.000.000	629.500.000.000
Cộng	**630.000.000.000**	**629.500.000.000**
Trong đó, phải trả khác với bên liên quan		
Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi	630.000.000.000	629.500.000.000
Công ty Cổ phần kỹ thuật Enviro	-	2.168.250.000

(i) Đây là số tiền mà Công ty nhận vốn góp liên doanh thực hiện Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi được thực hiện tại Thị trấn Củ Chi và 10 xã lân cận như đã trình bày tại Thuyết minh số 14. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết ngày 29 tháng 10 năm 2015, Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi sẽ góp vốn với số tiền là 630.000.000.000 VND để tham gia dự án. Công ty và Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi được phân chia lợi nhuận từ dự án với tỷ lệ lần lượt là 0,1% và 99,9%. Theo cam kết Công ty sẽ chuyển nhượng lại dự án cho Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi vận hành và hoạt động không muộn hơn 3 năm sau ngày hiệu lực hợp đồng. Công ty đóng vai trò là chủ đầu tư và chịu trách nhiệm về công tác kế toán của dự án này.

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2016		Phát sinh trong kỳ		01/01/2016	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh-HDBank *(i)*	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành *(ii)*	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Mạng nước Châu Á *(iii)*	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	-	-	-	104.500.000.000	104.500.000.000	104.500.000.000
Cộng	**73.000.000.000**	**73.000.000.000**	**73.000.000.000**	**164.500.000.000**	**164.500.000.000**	**164.500.000.000**
Cộng: Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 20.b)	15.260.238.095	15.260.238.095			-	-
Tổng cộng	**88.260.238.095**	**88.260.238.095**			**164.500.000.000**	**164.500.000.000**

(i) Khoản vay HDBank theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 2774/HĐTDNH-DN/068 ngày 14 tháng 7 năm 2016. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu, khoản vay này nhằm mục đích bổ sung vốn hợp tác đầu tư với Công ty con – Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/16-HDĐT-SGW ngày 16 tháng 5 năm 2016. Lãi suất vay được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Công ty đã sử dụng 409.114 Cổ phần Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức và 6.310.400 Cổ phần Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Long An do Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro nắm giữ để thế chấp khoản vay này.

(ii) Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành theo hợp đồng số 54/HĐKD-2016 ngày 18 tháng 11 năm 2016, thời hạn khoản vay là 1 tháng. Lãi suất của khoản vay là 11%. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(iii) Ngày 30 tháng 12 năm 2016, Công ty Cổ phần Mạng nước Châu Á đã chuyển khoản hỗ trợ vốn cho Công ty với giá trị 4.000.000.000 VND với mục đích bổ sung nguồn vốn lưu động, lãi suất khoản hỗ trợ được tính theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Thời hạn của khoản hỗ trợ vốn là 1 tháng.

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2016		Phát sinh trong kỳ		01/01/2016	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) - CN 11 *(iv)*	640.930.000.000	640.930.000.000	-	-	640.930.000.000	640.930.000.000
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(15.260.238.095)	(15.260.238.095)			-	-
Cộng	**625.669.761.905**	**625.669.761.905**			**640.930.000.000**	**640.930.000.000**
Trái phiếu						
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - CN TP. HCM *(v)*	380.000.000.000	380.000.000.000	380.000.000.000	-	-	-
Chi phí phát hành	(3.646.500.000)	(3.646.500.000)	-	3.646.500.000	-	-
Cộng	**376.353.500.000**	**376.353.500.000**	**380.000.000.000**	**3.646.500.000**	-	-
Trừ: Nợ gốc trái phiếu phải trả trong vòng 12 tháng	-	-			-	-
Cộng	**376.353.500.000**	**376.353.500.000**			-	-
Tổng cộng	**1.002.023.261.905**	**1.002.023.261.905**	**380.000.000.000**	**3.646.500.000**	**640.930.000.000**	**640.930.000.000**

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

(iv) Ngày 2 tháng 10 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức vay là 640.930.000.000 VND. Khoản vay được dùng để chi trả các chi phí cho nhà cung cấp liên quan đến dự án Xã hội hóa phát triển hệ thống cấp nước tại huyện Củ Chi. Khoản vay này có thời hạn trong vòng 126 tháng bắt đầu từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 24 tháng. Khoản vay chịu lãi suất 10,5%/năm tại ngày ký hợp đồng, sau đó mức lãi suất này sẽ thay đổi định kỳ 3 tháng/lần với bằng lãi suất huy động 12 tháng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cộng biên độ 2,3%/năm. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án, bao gồm các hạng mục công trình, các khoản thanh toán từ các giao dịch cho thuê, cung cấp sản phẩm của dự án, chuyển nhượng, tiền bảo hiểm, quyền kinh doanh và khai thác tài sản của dự án để thế chấp cho khoản vay này.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

Vay dài hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trong vòng một năm	15.260.238.095	-
Trong năm thứ hai	61.040.952.381	15.260.238.095
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	183.122.857.143	183.122.857.143
Sau năm năm	381.505.952.381	442.546.904.762
Cộng	**640.930.000.000**	**640.930.000.000**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(15.260.238.095)	-
Số phải trả sau 12 tháng	**625.669.761.905**	**640.930.000.000**

Thông tin bổ sung cho trái phiếu phát hành

(v) Trái phiếu 380 tỷ phát hành cho Ngân hàng VIB – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh:

- Loại trái phiếu: trái phiếu thường không chuyển đổi;
- Mệnh giá: 380.000.000.000 VND;
- Ngày phát hành: 23 tháng 12 năm 2016;
- Thời hạn trái phiếu: 5 năm.
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 3 tháng một lần kể từ và bao gồm ngày phát hành cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ liên quan đến Trái phiếu;
- Lãi suất: Lãi suất trong 4 kỳ đầu tiên là 9%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất áp dụng theo lãi suất thả nổi điều chỉnh và được xác định bằng lãi huy động tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam + biên độ 2,8%/năm;
- Mục đích: 160 tỷ đồng trái phiếu được sử dụng để đầu tư giai đoạn 2 dự án Củ Chi và 220 tỷ đồng sẽ được sử dụng để góp vốn thành lập công ty TNHH;

Công ty đã sử dụng cổ phần của một số công ty con để cầm cố, thế chấp cho trái phiếu phát hành, cụ thể:

	Số lượng cổ phần	Giá trị VND
Công ty CP cấp nước Sài Gòn Dankia	9.000.000	90.000.000.000
Công ty CP cấp nước Sài Gòn Pleiku	4.950.000	49.500.000.000
Công ty CP kĩ Thuật Enviro	25.500	2.550.000.000
Công ty CP giải pháp mạng nước châu á	1.020.000	10.200.000.000

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Ngoài ra Công ty thế chấp phần vốn góp 321.174.000.000 VND trong Công ty TNHH Cấp thoát Nước Củ Chi (đến thời điểm phát hành báo cáo này đã là Công ty CP Cấp thoát Nước Củ Chi) để thế chấp cho trái phiếu phát hành trên.

Trái phiếu trên sẽ được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trong vòng một năm	-	-
Trong năm thứ hai	125.000.000.000	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	255.000.000.000	-
Sau năm năm	-	-
Cộng	**380.000.000.000**	**-**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	-	-
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*)	(3.646.500.000)	-
Số phải trả sau 12 tháng	**376.353.500.000**	**-**

(*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ được hoàn nhập dần vào kết quả kinh doanh trong tương lai theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

Doanh thu chưa thực hiện tại ngày khóa sổ là khoản hỗ trợ không hoàn lại của Sở tài chính Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện theo công văn số 826/TB - VP ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản hỗ trợ này sẽ được sử dụng để bù đắp chênh lệch giữa giá phí nước thực tế mà Công ty cung cấp và giá phí nước được Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố duyệt khi bán cho các hộ dân trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	**583.700.000.000**	**119.923.034.000**	**1.667.578.270**	**64.692.815.624**	**769.983.427.894**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	11.312.056.975	11.312.056.975
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	674.561.000	(674.561.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng	-	-	-	(674.561.000)	(674.561.000)
Tại ngày 01/01/2016	**583.700.000.000**	**119.923.034.000**	**2.342.139.270**	**74.655.750.599**	**780.620.923.869**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	129.165.466.334	129.165.466.334
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.950.771.506	(5.950.771.506)	-
Trích lập quỹ khen thưởng	-	-	-	(5.950.771.506)	(5.950.771.506)
Tại ngày 31/12/2016	**583.700.000.000**	**119.923.034.000**	**8.292.910.776**	**191.919.673.921**	**903.835.618.697**

Ngày 22 tháng 4 năm 2016, Đại hội Đồng cổ đông thường niên đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2015. Theo đó Công ty chỉ trích lập quỹ đầu tư và phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi nhưng không chia cổ tức năm 2015.

Chi tiết vốn góp chủ sở hữu

	31/12/2016		01/01/2016	
	Tỷ lệ	Vốn đã góp VND	Tỷ lệ	Vốn đã góp VND
Vốn góp của CII	55,94%	326.521.780.000	55,94%	326.521.780.000
Vốn góp của cổ đông khác	44,06%	257.178.220.000	44,06%	257.178.220.000
Cộng	**100%**	**583.700.000.000**	**100%**	**583.700.000.000**

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Cổ phần

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Số lượng cổ phần đã đăng ký phát hành	58.370.000	58.370.000
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	58.370.000	58.370.000
+ Cổ phần phổ thông	58.370.000	58.370.000
Số lượng cổ phần được mua lại	-	-
+ Cổ phần phổ thông	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	58.370.000	58.370.000
+ Cổ phần phổ thông	58.370.000	58.370.000
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần		

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2016 VND	2015 VND
Doanh thu tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch và các dịch vụ liên quan	972.037.247	1.497.846.091
Doanh thu cung cấp nước sạch	10.290.377.890	1.335.980.800
Cộng	**11.262.415.137**	**2.833.826.891**

Trong đó, doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài gòn - Pleiku	-	861.650.455
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	353.363.908	-
Công ty CII E&C	11.675.455	-

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2016 VND	2015 VND
Giá vốn dịch vụ tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch	346.275.680	1.023.664.841
Giá vốn cung cấp nước sạch	11.031.721.837	1.100.467.424
Cộng	**11.377.997.517**	**2.124.132.265**

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2016 VND	2015 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	137.435.776.400	17.431.157.696
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính	12.259.416.000	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.239.527.347	8.304.384.551
Cộng	**162.934.719.747**	**25.735.542.247**

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	4.914.909.721	3.630.104.167
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	2.568.838
Chi phí tài chính khác	78.418.193	-
Cộng	**4.993.327.914**	**3.632.673.005**

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	2.942.955.316	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	223.540.424	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	404.918.238	-
Các chi phí khác	171.117.472	-
Cộng	**3.742.531.450**	**-**

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.208.994.737	7.143.799.776
Chi phí dự phòng	-	(228.060.000)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	11.708.817.172	4.585.572.797
Cộng	**24.917.811.909**	**11.501.312.573**

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**129.165.466.334**	**11.312.056.975**
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	37.384.534	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(137.435.776.400)	(17.431.157.696)
Thu nhập chịu thuế	**(8.232.925.532)**	**(6.119.100.721)**
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Hoạt động chủ yếu của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Bộ phận tư vấn, thi công: Tư vấn, thi công, cung cấp, lắp đặt các thiết bị xử lý môi trường, ngành nước. Và bộ phận kinh doanh nước sạch: Cung cấp nước sạch.

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Năm 2016

Chỉ tiêu	Tư vấn, thi công VND	Kinh doanh nước sạch VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu				
Doanh thu cung cấp ra bên ngoài	972.037.247	10.290.377.890	-	11.262.415.137
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu	**972.037.247**	**10.290.377.890**	**-**	**11.262.415.137**
Chi phí				
Giá vốn cung cấp ra bên ngoài	346.275.680	11.031.721.837	-	11.377.997.517
Giá vốn cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng chi phí	**346.275.680**	**11.031.721.837**	**-**	**11.377.997.517**
Kết quả kinh doanh bộ phận	**625.761.567**	**(741.343.947)**	**-**	**(115.582.380)**
Doanh thu hoạt động tài chính				162.934.719.747
Chi phí tài chính				4.993.327.914
Chi phí bán hàng				3.742.531.450
Chi phí quản lý doanh nghiệp				24.917.811.909
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh				**129.165.466.094**
Thu nhập khác				93.383.876
Chi phí khác				93.383.636
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Tổng lợi nhuận sau thuế				**129.165.466.334**

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Năm 2015

Chỉ tiêu	Tư vấn, thi công VND	Kinh doanh nước sạch VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu				
Doanh thu cung cấp ra bên ngoài	1.497.846.091	1.335.980.800	-	2.833.826.891
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu	**1.497.846.091**	**1.335.980.800**	**-**	**2.833.826.891**
Chi phí				
Giá vốn cung cấp ra bên ngoài	1.023.664.841	1.100.467.424	-	2.124.132.265
Giá vốn cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng chi phí	**1.023.664.841**	**1.100.467.424**	**-**	**2.124.132.265**
Kết quả kinh doanh bộ phận	**474.181.250**	**235.513.376**	**-**	**709.694.626**
Doanh thu hoạt động tài chính				25.735.542.247
Chi phí tài chính				3.632.673.005
Chi phí bán hàng				-
Chi phí quản lý doanh nghiệp				11.501.312.573
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh				**11.311.251.295**
Thu nhập khác				876.140.874
Chi phí khác				875.335.194
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Tổng lợi nhuận sau thuế				**11.312.056.975**

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Các khoản vay và nợ	1.090.283.500.000	805.430.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(377.729.642.390)	(275.715.059.972)
Nợ thuần	**712.553.857.610**	**529.714.940.028**
Vốn chủ sở hữu	903.835.618.697	780.620.923.869
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	**79%**	**68%**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu là hoàn toàn phù hợp với xu thế phát triển và chiến lược kinh doanh của Công ty vì Công ty đang đầu tư các dự án cấp nước cho dân, dự án dự kiến sẽ đi vào hoạt động trong năm tới và sẽ mang lại lợi nhuận cho Công ty. Mặt khác, trong tổng giá trị nợ và vay được sử dụng để xác định tỷ lệ nợ thuần, chủ yếu là các khoản nợ dài hạn trong đó bao gồm các khoản vay dài hạn tài trợ cho dự án xây dựng cơ bản. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng dự án này sẽ đem lại nguồn tiền trong tương lai nên Công ty sẽ đảm bảo được khả năng thanh toán cho các khoản nợ khi đến hạn.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính như sau:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH		
Tiền và tương đương tiền	377.729.642.390	275.715.059.972
Các khoản cho vay	99.918.080.000	95.918.080.000
Phải thu khách hàng	2.992.110.368	1.009.974.770
Phải thu khác	183.111.060.695	338.550.675.556
Các khoản đầu tư tài chính	833.579.596.261	730.503.139.000
Cộng	**1.497.330.489.714**	**1.441.696.929.298**
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH		
Phải trả người bán	195.270.666.330	22.824.345.928
Phải trả khác	630.047.789.653	632.546.478.879
Chi phí phải trả	15.652.871.854	8.905.889.639
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	1.090.283.500.000	805.430.000.000
Cộng	**1.931.254.827.837**	**1.469.706.714.446**

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, đồng thời phân nhiệm một bộ phận thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động tại các công ty đầu tư.

Và Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn là các công ty con, các công ty liên kết và các đối tác đầu tư lâu dài của Công ty.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
TẠI NGÀY 31/12/2016				
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	377.729.642.390	-	-	377.729.642.390
Các khoản cho vay	99.918.080.000	-	-	99.918.080.000
Phải thu khách hàng	2.992.110.368	-	-	2.992.110.368
Phải thu khác	41.442.244.831	141.668.815.864	-	183.111.060.695
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	833.579.596.261	833.579.596.261
Cộng	**522.082.077.589**	**141.668.815.864**	**833.579.596.261**	**1.497.330.489.714**
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	195.270.666.330	-	-	195.270.666.330
Phải trả khác	47.789.653	630.000.000.000	-	630.047.789.653
Chi phí phải trả	15.652.871.854	-	-	15.652.871.854
Dự phòng phải trả	-	-	-	-
Các khoản vay	88.260.238.095	244.163.809.524	381.505.952.381	713.930.000.000
Trái phiếu thông thường	-	376.353.500.000	-	376.353.500.000
Cộng	**299.231.565.932**	**1.250.517.309.524**	**381.505.952.381**	**1.931.254.827.837**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**222.850.511.657**	**(1.108.848.493.660)**	**452.073.643.880**	**(433.924.338.123)**

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
TẠI NGÀY 01/01/2016				
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	275.715.059.972	-	-	275.715.059.972
Các khoản cho vay	95.918.080.000	-	-	95.918.080.000
Phải thu khách hàng	1.009.974.770	-	-	1.009.974.770
Phải thu khác	266.620.019.381	71.930.656.175	-	338.550.675.556
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	730.503.139.000	730.503.139.000
Cộng	**639.263.134.123**	**71.930.656.175**	**730.503.139.000**	**1.441.696.929.298**
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	22.824.345.928	-	-	22.824.345.928
Phải trả khác	3.046.478.879	629.500.000.000	-	632.546.478.879
Chi phí phải trả	8.905.889.639	-	-	8.905.889.639
Các khoản vay	164.500.000.000	252.169.180.328	388.760.819.672	805.430.000.000
Cộng	**199.276.714.446**	**881.669.180.328**	**388.760.819.672**	**1.469.706.714.446**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**439.986.419.677**	**(809.738.524.153)**	**341.742.319.328**	**(28.009.785.148)**

Chênh lệch thanh khoản thuần trong khoảng thời gian từ 1 đến 5 năm âm chủ yếu là do các khoản trái phiếu thông thường và các khoản vay dài hạn đầu tư cho các dự án của Công ty. Công ty tin tưởng rằng các dự án này sẽ mang lại nguồn tiền trong tương lai cho Công ty và Công ty có thể đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các bên liên quan là các công ty con và công ty liên kết, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty còn có bên liên quan khác là các công ty cùng tập đoàn. Thông tin về các bên liên quan như sau:

Tên công ty	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII")	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Công ty con
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	Công ty con
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Công ty con
Công ty Cổ phần Giải pháp Mạng nước Châu Á	Công ty con
Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi	Công ty con
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - Cần Thơ	Công ty con
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C)	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty cùng tập đoàn

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu trong năm với các bên liên quan này bao gồm:

	2016 VND	2015 VND
Giao dịch với CII		
Lãi chuyển nhượng dự án Diamond Riverside	20.165.258.400	-
Vay trong năm	-	260.000.000.000
Trả nợ vay trong năm	-	260.000.000.000
Lãi vay phát sinh trong năm	-	3.062.222.223
Nhận tiền chuyển nhượng dự án Diamond Riverside	100.000.000.000	-
Bù trừ công nợ trong năm	15.480.000.000	-
Chuyển tiền ký quỹ đầu tư Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	32.250.000.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro		
Chi phí dịch vụ lắp đặt và hàng hóa phải trả	5.535.668.200	-
Phải thu về lãi hỗ trợ vốn	8.776.504.320	5.257.887.222
Phải thu về cổ tức trong năm	107.100.000.000	-
Hỗ trợ vốn	68.500.000.000	95.918.080.000
Nhận hỗ trợ vốn	-	204.500.000.000
Bù trừ cổ tức được nhận và khoản hỗ trợ vốn phải trả trong năm	106.668.250.000	-
Thu hồi khoản hỗ trợ vốn	68.500.000.000	100.000.000.000
Thanh toán công nợ trong năm	4.417.174.245	-
Lãi hỗ trợ vốn phải trả	-	2.168.250.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia		
Hỗ trợ vốn	450.000.000	-
Thu hồi khoản hỗ trợ vốn	450.000.000	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku		
Chuyển khoản góp vốn	6.187.300.000	-
Thu tiền công nợ phải thu trong năm	445.186.230	-
Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi		
Nhận tiền hợp tác kinh doanh	500.000.000	-
Giá trị hàng hóa phải trả	59.155.000	1.060.388.000
Khoản chi hộ phải trả	55.285.401	47.830.000
Thanh toán công nợ trong năm	259.880.500	-
Thanh toán tiền chi hộ	66.507.959	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Mạng nước Châu Á		
Phải trả về dịch vụ kỹ thuật, khảo sát, đấu nối cho dự án Củ Chi	6.669.808.374	927.737.645
Nhận hỗ trợ vốn	4.000.000.000	-
Phải thu về chi hộ	-	686.699.310
Thu hồi tiền chi hộ	686.699.310	-
Thanh toán công nợ trong năm	2.994.400.702	-

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	2016 VND	2015 VND
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - Cần Thơ		
Chuyển khoản góp vốn	7.122.112.650	500.000.000
Chi phí chi hộ	93.383.636	192.425.774
Thu hồi tiền chi hộ	314.390.350	-
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê		
Chuyển khoản góp vốn	2.000.000.000	-
Giao dịch với CII E&C		
Mua hàng và giá trị nghiệm thu phải trả	129.227.808.582	292.537.663.814
Thanh toán công nợ trong năm	33.263.698.670	367.100.194.736
Bù trừ công nợ trong năm	1.377.965.550	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		
Mua hàng và dịch vụ phải trả	2.176.954.546	-
Thanh toán công nợ trong năm	1.704.335.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia		
Thanh toán tiền đặt cọc thuê văn phòng	218.400.000	-

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm:

	2016 VND	2015 VND
Lương và thưởng	2.309.893.848	2.291.144.077

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, Công ty thực hiện lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho dòng tiền từ hoạt động kinh doanh theo phương pháp gián tiếp. Các chỉ tiêu tương ứng của báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng được chuyển đổi từ phương pháp trực tiếp sang phương pháp gián tiếp để đảm bảo tính so sánh với số liệu báo cáo kỳ này.

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ngày 5 tháng 1 năm 2017, Công ty Cổ phần cấp nước Gia Lai đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Ngày 9 tháng 1 năm 2017, Công ty nhận sổ cổ đông theo đó Công ty đã hoàn tất việc đầu tư vào Công ty Cổ phần cấp nước Gia Lai theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 31 tháng 7 năm 2016 và trở thành công ty mẹ của Công ty Cổ phần cấp nước Gia Lai với tỷ lệ nắm giữ là 51% vốn điều lệ.

Trần Thị Ngọc Loan	**Nguyễn Thị Hồng Hạnh**	**Trương Khắc Hoành**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
Ngày 27 tháng 3 năm 2017		